

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2021/KDTM-ST**

Ngày 06/5/2021

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng  
mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Đức

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2020/TLST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “*hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2021/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **CTY**

Địa chỉ: Số , HHH, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông H.V.T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông N.D.T – Chức vụ: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H.Đ.S – Chức vụ: Phụ trách pháp lý công nợ, Ban Pháp lý - Công ty CP TĐLT (Theo Giấy ủy quyền số 292/UQ-TĐLT ngày 17/7/2020).

Người được ủy quyền lại: Ông NĐK – Chức vụ: Chuyên viên Pháp lý Công ty CP TĐLT; Địa chỉ liên hệ: Lầu 3, 72 Nguyễn Cơ Thạch, phường An Lợi

Đông, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Theo giấy ủy quyền ngày 29/10/2020. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: **Ông N.T.S, sinh năm 1974** - Chủ hộ kinh doanh bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật - K.T

Địa chỉ: Số 336/20, tổ 10, ấp Tây Bình A, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **N.T.T.T**, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 336/20, tổ 10, ấp Tây Bình A, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông N.Đ.K trình bày:*

Ngày 26/10/2015, giữa CTY (sau đây gọi tắt là Công ty) và ông N.T.S – Chủ hộ kinh doanh bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật K.T có thỏa thuận ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 41/CNTS-HĐMB-TĐLT. Theo nội dung hợp đồng thỏa thuận thì Công ty sẽ cung cấp các loại hàng hóa là thuốc bảo vệ thực vật (có phụ lục danh mục kèm theo) cho ông S. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Tuy nhiên, ông N.T.S đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận. Theo biên bản xác nhận công nợ giữa Công ty với ông S thì tính đến ngày 30/4/2020 ông S còn nợ Công ty số tiền vốn là 1.437.932.320đồng, lãi là: 478.993.848đồng. Mặc dù, Công ty đã nhiều lần yêu cầu ông S thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty nhưng ông S vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ như đã cam kết.

Nay CTY yêu cầu ông N.T.S (*Chủ hộ kinh doanh bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật – K.T*) và bà N.T.T.T phải liên đới có nghĩa vụ thanh toán số tiền mua thuốc bảo vệ thực vật còn nợ vốn là 1.437.932.320đồng, lãi chậm thanh toán là: 478.993.848đồng. Tổng cộng: 1.916.926.168đồng (tính đến ngày 30/4/2020) và tiếp tục thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông N.Đ.K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và cung cấp bản tự khai trình bày ý kiến. Nội dung bản tự khai thể hiện: Từ khi Công ty khởi kiện ông S tới nay, Công ty có trả cho ông S tiền chiết khấu là 10.000.000 đồng nên Công ty đã trừ số tiền chiết khấu này vào phần tiền nợ vốn cho ông. Vì vậy, nay Công ty yêu cầu ông S trả số tiền nợ vốn còn lại là 1.427.932.320đồng, lãi chậm thanh toán là: 478.993.848đồng (tính đến ngày 30/4/2020) và tiếp tục thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/ năm tính từ ngày 01/5/2020 cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử

06/5/2021 với số tiền là 145.140.518 đồng. Tổng cộng là 2.052.066.686 đồng (hai tỷ, không trăm năm mươi hai triệu, không trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm tám mươi sáu đồng).

Ông N.T.S là bị đơn và bà N.T.T.T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 4, Điều 24, Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại 2015 tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông S và bà T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty số tiền vốn 1.427.932.320đồng và tiền lãi tính đến ngày 06/5/2021 là 624.134.366đồng. Tổng cộng 2.052.066.686đồng(hai tỷ, không trăm năm mươi hai triệu, không trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm tám mươi sáu đồng); Ông S và bà T phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn là ông N.T.S có nơi cư trú: số 336/20, tổ 10, ấp Tây Bình A, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

[1.2] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông N.Đ.K có đơn xin xét xử vắng mặt; ông N.T.S (là bị đơn trong vụ án), bà N.T.T.T (là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến

phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Khuê, ông S và bà T.

[1.3] Tại phiên tòa (bản tự khai đính kèm đơn xin vắng mặt), Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông S và bà T trả số tiền vốn 1.427.932.320đồng, tiền lãi chậm thanh toán là: 478.993.848đồng (tính đến ngày 30/4/2020) và tiền lãi do chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 01/5/2020 đến ngày 06/5/2021 với số tiền là 145.140.518đồng. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự và việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào Điều 224 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, HĐXX chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Công ty.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Hợp đồng mua bán hàng hóa số 41/CNTS-HĐMB-TĐLT ngày 26/10/2015 được ký kết giữa Công ty với ông N.T.S được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phía nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở phù hợp Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 50 Luật Thương mại 2005.

Nguyên đơn xác định số tiền mua bán mà ông S chưa thanh toán là 1.906.926.168đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập ông S tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông S vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Bên cạnh đó, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ thì phía nguyên đơn đã cung cấp “Giấy xác nhận công nợ từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/4/2020” và “Chi tiết nợ quá hạn từ ngày 01/4/2020 đến ngày 30/4/2020”. Theo đó, thể hiện nội dung dư nợ cuối kỳ là số tiền vốn 1.437.932.320đồng, tiền lãi chậm thanh toán là: 478.993.848đồng, tổng cộng là 1.916.926.168đồng và có chữ ký xác nhận khách hàng là ông N.T.S. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự có cơ sở xác định số tiền mà ông S còn nợ Công ty tổng cộng là 1.906.926.168đồng (đã được trừ 10.000.000 đồng tiền chiết khấu vào tiền nợ) và xét buộc ông S phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền này cho nguyên đơn là phù hợp.

[2.2] Ngoài ra, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu ông S chịu tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/5/2020 đến ngày 06/5/2021 theo mức lãi suất 10%/ năm, với số tiền là 145.140.518 đồng. HĐXX xét thấy, ông S là người có trách nhiệm thanh toán tiền mua hàng hóa cho Công ty theo thỏa thuận nhưng do ông S không thực hiện trách nhiệm của mình là vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty nên phải chịu khoản tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đến khi ông S thanh toán xong khoản nợ gốc là phù hợp với Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Căn cứ mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất ba Ngân hàng thương mại (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kiên Long) HĐXX tạm tính số tiền lãi chậm thanh toán là  $14,5\%/năm \times 1.427.932.320 \text{ đồng} \times 371 \text{ ngày (từ 01/5/2020 đến ngày 06/5/2021)}$  tương đương 211.905.156 đồng. Xét thấy, đại diện Công ty Lộc Trời chỉ yêu cầu số tiền lãi là 145.140.518 đồng, thấp hơn rất nhiều so với số tiền lãi mà nguyên đơn được quyền yêu cầu theo cách mà HĐXX tạm tính nêu trên, nghĩ đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn và hoàn toàn có lợi cho phía bị đơn nên HĐXX công nhận.

[2.3] Về trách nhiệm liên đới liên quan của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N.T.T.T. Mặc dù, việc đối chiếu công nợ với Công ty chỉ do ông S thực hiện nhưng nguyên đơn trình bày ngoài ông S còn có bà T là vợ của ông S nhận hàng hóa và ký các chứng từ giao hàng hóa với Công ty theo giấy ủy quyền số: 04/UQ/2016-CNTS ngày 13/11/2016 của ông S ủy quyền cho bà T. Bên cạnh đó, Tòa án cũng đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bà T tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà T vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra, ông S và bà T là vợ chồng hợp pháp (có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn ngày 26/12/2000, vào sổ chứng nhận kết hôn số 52). Căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX buộc bà T có nghĩa vụ liên đới với ông S trả cho Công ty số tiền nợ chưa thanh toán là phù hợp.

Từ những cơ sở phân tích trên, có cơ sở buộc ông S và bà T có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty số tiền vốn 1.427.932.320đồng và tiền lãi tính đến ngày 06/5/2021 là 624.134.366đồng. Tổng cộng 2.052.066.686đồng, làm tròn 2.052.067.000đồng (hai tỷ, không trăm năm mươi hai triệu, không trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát phiên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của Công ty được chấp nhận nên ông S và bà T phải chịu nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 224, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 50, Điều 306 Luật thương mại;

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **\* Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của CTY:

Buộc ông N.T.S và bà N.T.T.T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty số tiền vốn là 1.427.932.320đồng và tiền lãi tính đến ngày 06/5/2021 là 624.134.366đồng. Tổng cộng 2.052.066.686đồng, làm tròn 2.052.067.000 đồng (hai tỷ, không trăm năm mươi hai triệu, không trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Hoàn trả cho CTY số tiền 34.754.000đ (ba mươi bốn triệu, bảy trăm năm mươi tư ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004072 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thoại Sơn.

Ông N.T.S và bà N.T.T.T phải chịu số tiền 73.041.000đ (bảy mươi ba triệu, không trăm bốn mươi một ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang.
- VKSND H.Thoại Sơn.
- Chi cục THADS H.Thoại Sơn.
- Các đương sự (Để thi hành).
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Vân**